

Long Nguyễn

## Sáng tác Hát nói, Phú, Văn tế.



### Hát nói

Đây là các thể thơ văn hầu như thất truyền. Trong tinh thần bảo tồn văn học nước nhà, Meta xin biên khảo một loạt bài về Hát nói, Phú, Văn tế để làm thể nào, từ chỗ chưa biết gì, tự các bạn có thể sáng tác được. Mỗi một thể loại, Meta đều có sáng tác 1 bài mẫu để bạn đọc tiện tham cứu. Riêng phú và văn tế, vì tính chất chặt chẽ của nó, mỗi một cặp câu đều đối với nhau, xin dùng dấu chấm phẩy (;) để phân chia 2 câu đi từng cặp. Ví dụ:

Hơn ba mươi tỉnh hội đồng; Dư sáu chục năm huệ dưỡng.

Hoặc:

Tiếng kêu oan, oan này bởi nước, hồn nhân dân biết dựa vào đâu; Thân liễu thác, thác cũng vì vua, xương nghĩa sĩ chất đả nên đồng.

Bắt đầu bằng Hát Nói trước nhé!

*Thưa các bạn*

Nhận thấy trong văn học Việt Nam , bộ môn Hát nói càng ngày càng chìm vào quên lãng. Trước nguy cơ ấy tôi không ngại bỏ thì giờ sưu tầm, tham khảo để cùng các bạn ôn lại thể thơ Hát nói . Gọi là bộ môn thay vì gọi là thể thơ, tôi cũng có dụng ý. Ngày xưa bậc tao nhân mặc khách sáng tác những bài thơ Hát Nói lưu truyền cho tới ngày nay không chỉ để sáng tác vì nghệ thuật mà còn là thú tiêu khiển của kẻ thích chơi trống bỏi.

Kẻ hay chữ thời xưa thường luống tuổi, người hiển đạt cũng như kẻ sách đèn đều đã hoặc đang nhờ cậy vào sự đảm đang tần tảo của hiền nội. Dĩ

nhiên dù 1 thời có sắc nước hương trời, thời gian và sự làm lụng vất vả cũng làm cho nhan sắc phai tàn, các cụ đành đi tìm của lạ. Bộ môn Hát nói ra đời từ hồi nào ta không biết chính xác, nhưng bắt nguồn từ duyên do đó. Ta có thể ví Hát nói như Karaoke ôm bên VN. Cái này thì tôi rành lắm Bạn có thể đi cùng 1 hay 2 người bạn, người được gọi là quản lý sẽ dẫn bạn đến 1 phòng được thiết trí để nghe nhạc, nghĩa là kín và ấm cúng. Cũng vẫn người quản lý dẫn "các em" vô, số em tùy theo số khách. Lúc này bạn có thể yêu cầu quản lý cho đổi "em" khác nếu không vừa ý. Sau đó là tới màn uống bia. Bạn không biết uống bia ư? No problem ! Ly của bạn luôn đầy tràn, bạn không uống thì các em, lấy lý do thay đá mới cho lạnh hoặc đá làm loãng bia, đổ ly của bạn vào cái chậu dưới gầm bàn. Chai bia mới cứ khai soành soạch. Chẳng mấy chốc bạn cũng "cạn" 20 lon bia như chơi. Dĩ nhiên các em cũng uống cầm chừng chiều khách. Trong lúc ca hát bạn trả giá cho 1 đêm "chiến đấu". Thỏa thuận, bạn có thể chấm dứt ca hát bất cứ lúc nào. Trả tiền bia, tiền tips cho các em lẫn quản lý (\$5.00 1 người, kể cả tiền bia tổng cộng khoảng \$100.00) rồi chia tay bạn bè, mỗi ông 1 em về khách sạn để "mở mang trí tuệ".

Các cụ xưa cũng thế. Chủ chứa khi có khách lo bắt gà làm thịt, có khi đích thân tiếp khách, có khi phải đi gọi nếu có vị khách khó tính đòi cho được "em" quen. Ăn nhậu, hút thuốc phiện, sáng tác tại chỗ hay đã sáng tác từ trước, đưa cho cô đầu hát. Phải có đàn đáy và trống bỏi. Trống bỏi là cái trống con nhỏ như trống lắc của thợ nhuộm, gõ kêu "tom tom" để giữ nhịp hay tỏ ý tán thưởng. Có câu : Già mà còn ham trống bỏi, chế diễu người già mà dề dắm. Buồn ngủ thì mỗi cụ 1 em chui vào cái mùng giăng sẵn, tha hồ mà "tom chat". Văn học Việt Nam đã có nhiều áng thơ Hát nói được lưu truyền đến ngày nay, đều phát xuất từ những cuộc ăn chơi như thế. Xin xem phần đọc thêm để thưởng thức các bài Hát nói nức danh thời đó. Cần giải thích thêm về luật bằng trắc nếu có bạn thắc mắc sao lại có luật lệ nhiều khô đến thế. Các bạn hẳn rõ, thi ca từ Đường thi, cho đến Hát nói được sáng tác không phải để đọc mà là để ca ngâm. Thi luôn đi đôi với ca.

Tiếng sáo sẽ lạc lõng lắm nếu 1 bài Đường thi lỏng lẻo niêm luật. Cũng như vậy, tiếng nhị sẽ ngang phè nếu bài Hát nói sai luật bằng trắc, nhịp trống sẽ ra sao nếu 2 câu thơ không đủ 7 chữ hay câu keo không là 6 chữ? Để dễ hiểu, tôi xin dẫn giải bằng tân nhạc. Tân nhạc khác cổ nhạc ở chỗ 1 bản nhạc phải được sáng tạo cả nhịp điệu, cung âm và cả lời nhạc nữa. Cổ nhạc thì nhịp điệu đã có sẵn, ta chỉ sáng tác lời thôi, ví dụ điệu cò lả, quan họ, trản thủ lưu đôn, xàng xê, lưu thủy hành vân. Thử đọc câu : "Đời tôi cô đơn bao năm qua vẫn cô đơn". Nếu câu này được 1 nghệ sĩ cổ nhạc sáng tác, ông ta chỉ thay lời rồi chú thích : Hát theo điệu Người cô đơn là đủ. Tuy nhiên ông ta phải tôn trọng luật bằng trắc, nếu không đàn cũng sai và người ca cũng chẳng biết ca thế nào nữa. Ví dụ : "Đời tôi cô đơn bao năm qua vẫn đau khổ" thì ca thế nào, đờn làm sao? Cho nên luật bằng trắc và đủ mọi lẽ luật khác ra đời làm cho những kẻ ngang ngược như tôi phải lặn lội lao đao vì nó. Tóm lại, luật là để giữ tấu tức âm điệu . Số chữ hạn chế trong câu là để giữ tiết tức là nhịp. Bây giờ bắt đầu phân đào sâu vào luật nhé.

### **I /- SỰ XUẤT HIỆN CỦA THỂ HÁT NÓI :**

Hát nói xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ thứ 18 nhưng phải đợi đến đầu thế kỷ thứ 19 mới có những tác phẩm lưu truyền đến nay như các tác phẩm của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát ... Nguồn gốc của thể Hát nói trong văn chương Việt Nam được giải thích bằng những nguyên nhân và các sự việc sau đây :

1- Hát nói là sự phàm tục hoá những thể thánh ca. Trước khi có Hát nói, nói rộng ra là trước khi có những bài hát ả đào hay ca trù, ở nước ta đã có những bài hát cửa đền, cửa chùa, những bài thét nhạc (bài hát có âm nhạc phụ hoạ). Những thể ca trong các dịp tế lễ đó chuyển dần công dụng và được các tao nhân, mặc khách tổ chức ngay trong những cuộc giải trí riêng của họ . Các bài hát ả đào bắt đầu từ đó.

2- Hát nói là sự cụ thể hoá ảnh hưởng của học thuyết Lão - Trang. Xưa kia văn chương Việt Nam về nội dung phải gói bó trong những tư tưởng Không Mạnh, về hình thức phải đem theo những qui luật khắt khe, những lối diễn

tả nhất định. Cuối thế kỷ thứ 18, do hoàn cảnh rối ren trong xã hội, học thuyết Lão - Trang có cơ hội bành trướng và Hát nói chính là sáng tạo của các nhà nho phóng khoáng, thích tự do, ở đây họ có thể gửi gắm những tư tưởng, cảm xúc vượt ra ngoài khuôn phép với cách diễn đạt cởi mở, rộng rãi hơn.

3- Hát nói là biến thể của song thất lục bát. Các nhà viết sách thời xưa cho rằng Hát nói là một hình thức biến đổi của thể ngâm Song thất lục bát:

Trong hát nói có Muỗi là những câu thơ lục bát, nhiều câu 7 chữ có vần bằng, vần trắc, có cước vận, yêu vận . Nhưng khi đã phát triển, Hát nói là một thể tài hỗn hợp gồm: thơ, phú, lục bát, song thất, tứ tự, nói lời ...

Trong lời Hát ả đào có nhiều loại như: Dâng hương, Giáo trống, Gửi thư, Thét nhạc thì Hát nói là lời thông dụng và có tính văn chương lý thú nhất.

## **II /- QUY TẮC CỦA MỘT BÀI HÁT NÓI :**

*a) Số câu. Hát nói có các loại :*

- Đủ khổ gồm 3 khổ , mỗi khổ gồm 4 câu, riêng khổ cuối gồm 3 câu. Đây là thể chính thức của Hát nói. ( Xem thí dụ bài Vịnh Thuý Kiều ở sau).

- Bài Hát nói thiếu khổ dưới 11 câu, thường là chỉ có 7 câu .

- Bài Hát nói đôi khổ thì có khổ đôi ra thường chen vào giữa, số câu nhiều hơn 11 .

Trong bài Hát nói đủ khổ 11 câu được đặt tên như sau :

- Khổ đầu: Câu 1, 2 gọi là Lá đầu; câu 3,4 - Xuyên thưa .

- Khổ giữa: Câu 5, 6 gọi là Thơ; câu 7,8 - Xuyên mau .

- Khổ cuối: Câu 9 là Dồn, câu 10 là Xếp, câu 11 là Keo .

*b) Số chữ trong một câu :*

- Số chữ trong các câu của bài Hát nói là không nhất định , thường một câu có 7, 8 chữ, câu ngắn có 4, 5 chữ, câu dài 12 tới 18 chữ. Ví dụ:

Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đảo hải bất phục hồi.

Làm chi cho một cuộc đời.

Nhưng 2 câu 5, 6 gọi là Thơ thì phải theo thể ngũ ngôn hoặc thất ngôn.

*c) Vận:*

Trong bài Hát nói dùng cả 2 vận, vận bằng và vận trắc. Nếu một câu Hát nói đổi từ vận bằng sang vận trắc hoặc ngược lại thì có yêu vận và cước vận, những câu mang yêu vận là những câu chẵn, trừ câu thứ sáu chỉ có cước vận mà thôi.

Theo luật thì trong mỗi khổ, cước vận của câu đầu và câu cuối phải dùng tiếng trắc, cước vận 2 câu giữa phải dùng tiếng bằng. Yêu vận câu thứ nhì dùng tiếng trắc, yêu vận câu thứ tư thì dùng tiếng bằng. Yêu vận gieo vào chữ cuối đoạn thứ nhì.

*d) Luật bằng trắc :*

Theo luật hiệp vận, cước vận của câu đầu trong mỗi khổ hợp với yêu vận của câu thứ hai, yêu vận của câu thứ hai hợp với yêu vận của câu thứ ba, cước vận của câu thứ ba hợp với yêu vận của câu thứ tư. Hợp đây xin được hiểu là cùng tiếng bằng hay trắc chứ không phải hợp là cùng vận. Những chữ thứ nhất, ba, năm trong mỗi câu Hát nói không cần theo đúng luật bằng trắc (gọi là nhất tam ngũ bất luận). Ta có:

- Câu 1. t T b B t T
- Câu 2. b B t T b B
- Câu 3. b B t T b B
- Câu 4. t T b B t T

Trong đó không kể những chữ gác ra ngoài luật vì số chữ trong mỗi câu hát là không nhất định. Câu 6 chữ phải theo đúng luật kể trên. Còn những câu dài hơn 6 chữ thì muốn ứng dụng luật này phải chia làm 3 đoạn con, trong mỗi đoạn con, chữ cuối phải theo đúng luật bằng trắc. Những chữ gác ra ngoài không kể, được tùy ý sử dụng. Những câu ít hơn 6 chữ thì chia làm 2 đoạn mà đoạn thiếu là đoạn đầu không kể còn 2 đoạn sau thì phải theo đúng luật.

**Thí dụ 1.** (Chia câu làm 3 đoạn con bằng dấu /)

Đài tước / mở toang / cơn tạo hoá ----- t T b B 0 t T

Phím loan xe / trái mối / cương thường ----- 0 b B t T b B

Ngán cho Kiều / khi lỡ bước / Sầu Thương -----0 b B 0 t T b B

Cung đàn nguyệt / dây loan / còn mắc mãi -----0 t T b B 0 t T

### **Thí dụ 2 .**

Tài tình / chi với ----- b B t T

Đau đớn thay / chút phận / hồng nhan ----- 0 b B t T b B

Mười lăm năm / đầy đoạ / cõi trần hoàn ----- 0 b B t T 0 b B

Khôn tròn vẹn / chữ tình / chữ hiếu ----- 0 t T b B t T

### **Thí dụ 3 .**

Ta xét thêm bài Hát nói Vịnh Thuý Kiều ( tác giả khuyết danh thế kỷ 19 )  
sau đây là bài đủ khổ với 11 câu :

#### **VỊNH THUÝ KIỀU**

Khổ đầu :

1- Cơ Trời dẫu bề ----- Lá đầu .

2- Khách hồng nhan xiết kể nỗi gian truân ----- B

3- Mang tấm son đeo đuổi khách hồng quần ----- B - Xuyên thưa .

4- Lời vàng đá dăm lời cùng non nước ----- T

Khổ giữa :

5- Ngọc diện khởi ưng mai thúy quốc ----- T - Thơ .

6- Băng tâm tự khả đối Kim lang ----- B

7- Mười lăm năm thương xót kẻ đôi phương --- B - Xuyên mau .

8- Ruột tấm bọc đã đành nơi chín suối ----- T

Khổ xếp :

9- Duyên tái ngộ bởi Trời dẫu đem lại ----- T - Câu dồn .

10- Lửa ba thu một mối rõ ràng ----- B - Câu xếp .

11- Mới hay con Tạo khôn lường ----- B - Câu keo .

Ta thấy câu đầu không tính vần, các câu sau cứ 2 vần bằng lọt vào giữa khổ ( mỗi khổ 4 câu, khổ cuối 3 câu ), lại 2 câu trắc bắc cầu từ khổ này qua khổ kia và bài Hát nói tận cùng là 1 câu 6 chữ vần bằng . Toàn bài Hát nói trên đều dùng cước vận .

**YÊU VẬN:** Còn yêu vận thì không bó buộc ( NHẮC LẠI, KHÔNG BÓ

BUỘC), có thể là bằng hoặc trắc, đặt ở vị trí không nhất định trong câu .

*Thí dụ 4 .*

### CÔ ĐÀU TỰ THÁN

Mưỡu (ddầu, kếp) :

- 1- Cùng chung một tiếng tơ đồng
- 2- Nào ai tích lực tham hồng là ai ?
- 3- Nghĩ đời mà ngán cho đời
- 4- Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa ?

Nói :

- 1- Yêu đào một đoá ----- Lá đầu .
- 2- Bảy lâu nay nân ná chôn Bình Khang ----- B .
- 3- Nghĩ tài tình nên trọng cũng nên thương ----- B - Xuyên thừa .
- 4- Ngờ chi nữa mà khách qua đường hờ hững -- T .
- 5- Lầu bậc ngũ âm êm tường những ----- T - Thơ .
- 6- Chọn người tri kỷ khách hay chăng ----- B .
- 7- Ấy những ai hẹn ngọc thề vàng ----- B - Xuyên mau .
- 8- Duyên dằm thắm hoá bể bàng sao thế nhỉ ? ----- T .
- 9- Hàng thừa mỗi phải chăng xấu vía ? ----- T - Dồn .
- 10- Ngụ tính tình ta kể một đôi câu ----- B - Xếp .
- 11- Người buồn cảnh có vui đâu ! ----- B - Keo .

Khuyết Danh .

Bài này có thêm 4 câu Mưỡu đầu (kếp) . Hai câu lá đầu yêu vận ( vần lưng là trắc : đoá, ná ), 2 câu xuyên thừa yêu vận ( vần lưng là bằng : thương, đường. Các khổ sau cũng lập lại như thế). Ngoài ra, các câu khác vẫn có cước vận 2 câu bằng lại 2 câu trắc xen kẽ.

### III /- THƠ VÀ MưỡU TRONG BÀI HÁT NÓI :

a) *THƠ*:

Trong bài Hát nói bao giờ cũng có 2 câu thơ hoặc bằng chữ Hán mượn của người xưa hoặc do chính tác giả làm ra viết theo thể ngũ ngôn hoặc thất ngôn. Trong bài Vịnh Thuý Kiều ở trên, 2 câu Thơ chữ Hán lấy ở bài Đề

Từ của Phạm Quý Thích. Bài Cô đầu tự thán, 2 câu Thơ 5, 6 do tác giả (khuyết danh) tự làm ra. Vị trí thông thường của 2 câu Thơ là câu 5 và 6, tuy nhiên khi phá cách 2 câu Thơ này có thể đưa lên đầu bài hay đến 1 vị trí khác như trong bài Thuý Kiều lưu lạc ( xin xem PHẦN ĐỌC THÊM) thì 2 câu thơ ở vị trí câu 9 và 10 :

Đoạn tràng mộng lý căn duyên liễu

Bạc mệnh cầm chung oán hận trường

( Xin xem toàn bài Thuý Kiều lưu lạc ở cuối bài ).

*b) MƯỠU :*

Mưỡu (hay mào có nghĩa dạo đầu, introduction) là những câu thơ lục bát mượn trong ca dao hay thơ của người xưa hoặc do chính tác giả làm ra đặt ở đầu bài (gọi là Mưỡu đầu) hay cuối bài nhưng trước câu keo (gọi là Mưỡu hậu). Mưỡu có thể gồm 2 câu ( Mưỡu đơn) hay 4 câu (Mưỡu kép). Bài Vịnh Kiều của Nguyễn Công Trứ dưới đây đôi khổ (dài hơn 11 câu) và có Mưỡu hậu đơn :

VỊNH KIỀU

- 1- Đài tước mở toang cơn Tạo hoá
  - 2- Phím loan xe trái mối cương thường
  - 3- Ngán cho Kiều khi lỡ bước Sâm Thương
  - 4- Cung đàn nguyệt dây loan còn mắc mãi
- (4 câu đôi khổ):

Đêm thanh vắng gọi Vân ngồi dậy

Bức khăn là phong mở nguồn cơn

Đem lời thệ hải minh sơn

Non nước ấy cây em gánh vác

- 5-Thơ rằng : Vì hiếu đề tình nên chéch mác

- 6- Chưa duyên mà nợ khéo đa mang

- 7- Mảnh gương thề soi với khách văn chương

- 8- Mùi hương ngát cũng nhờ em rơi đến chi

- 9- Này con tạo ghét ghen chi lắm bấy ?



10- Cái hồng nhan găm lại cũng buồn cười (câu xếp)

(2 câu Mưỡu hậu đơn):

Ấy ai trâm quạt thề bồi

Thấu tình hay chẳng hỏi người Liêu Tây ?

11- Trăng già khéo quấy chi ai ? (câu keo)

Nguyễn Công Trứ

**CHÚ Ý :** Những câu Mưỡu có thể làm sai lạc qui tắc về cước vận đã trình bày ở trên , tuy nhiên, có điều bắt buộc phải theo là : Mưỡu hậu phải tiếp tục vận của câu xếp để chuyển vận sang câu keo ( cười, bồi, người, Tây, ai ở cuối bài) .

Như vậy, về hình thức, phân thi pháp cho biết những qui tắc rất rộng rãi của Hát nói: số câu, số chữ không hạn định ... Thí dụ bài Kỷ niệm cụ Tiên Điền của Nguyễn Đôn Phục ở PHẦN ĐỌC THÊM gồm 59 câu .

#### **IV/- PHẦN ĐỌC THÊM :**

Thí dụ bài hát nói đôi khổ (59 câu)

BÀI HÁT KỶ NIỆM CỤ TIÊN ĐIỀN

Hát mưỡu :

*Mấy hàng cảm tú văn chương*

*Yêu hoa dở khúc đoan trường ngâm hoa*

*Chúng ta nay nguyện với trăng già*

*Còn non còn nước quốc hoa còn dài*

*Hát nói:*

*Bắc phương nhất đại giai nhân lục*

*Nam hải thiên thu quốc sĩ văn*

*Đau đớn thay là cuộc phong trần*

*Mà bạch diện với hồng nhan sao khéo khéo*

*Ngâm kim cổ trong vòng thế đạo*

*Trai thờ vua chi khác gái thờ chồng*

*Tiếc cho ai nền băng tuyết chất phỉ phong*

*Con gia biến lạ lòng trêu cợt*

Chàng với thiếp để mối tình thừa thót  
Mười lăm năm khôn xiết nổi ba đào  
Góm thay cái số hoa đào  
Nghề mụ Tú học sao cho được  
Chùa chị Hoạn ngõ phúc duyên chẳng tội ác  
Kiệu anh Từ thôi phú quý cũng phù vân  
Thôi thôi đừng ngậm ngùi mãi cho thân  
Đành chữ hiếu muôn phần trọn vẹn  
Cuộc nhân thế vì bể dâu nên chuyện  
Ai ơi xem lịch sử cụ Tiên Điền  
Phấn vua Lê trang điểm đó là duyên  
Tay chúa Trịnh cầm quyền thì cũng nợ  
Quân Bắc viện , Đông đô khi vỡ lở  
Lửa Tây Sơn, Nam lũy lúc kinh hoàng  
Mây Tràng thành xa cách mặt quân vương  
Nghìn dặm những đoái thương chiều tuyết tái  
Chém kẻ gian tà girom thụt lùi  
Đền ơn quân phụ khối mang tình  
Chốn lâm toàn lạc lối kẻ thù sinh  
Âu cũng lấy đôi chữ trung trinh làm bốn phận  
Khi trong nguyệt cung cầm ngơ ngẩn  
Khi dưới hoa vơ vẩn nước cờ  
Cảnh hoàng hôn khi thở ác lẫn lừa  
Hồn cố quốc khi đổ quên thúc giục  
Dở đến tập phong tình cổ lục  
Khóc cho ai mà lại khóc cho ai  
Thương ôi sắc nước hương trời  
Thân trinh bạch cũng mai mà cũng tuyết  
Cũng một lối tài tình oan nghiệt  
Bút tài hoa nên điểm xuyết chuyện trắng hoa

Thác ra lời bạc mệnh xót xa  
Mảng những thói buồn đơỉ xỏ lá  
Nhắm mắt đánh nhau cùng tạo hoá  
Nặng lời trao lại với non sông  
Cuộc bể dâu trông thấy đã đau lòng  
Tài thế nhĩ mà tai là thế nhĩ  
Cho mới biết chữ hiếu, chữ trung là chữ quý  
Kiếp phù sinh chi kể giấc chiêm bao  
Ta khen người thực nữ chí cao  
Mà tâm sự đáng văn hào ta phải nhớ  
Điểm giọt máu chuốt nên văn quốc ngữ  
Lúc canh khuya nghe gõ tiếng chuông vàng  
So oán ân trong kiếp đoạn tràng  
Bảo cho biết thiện căn là lạc quốc  
Âm cực dương hồi, cơ duyên sau trước  
Đem văn chương mà cảnh giác cho ta  
Niệm nam mô ông Phật chùa nhà !  
Nguyễn Đôn Phục

Một thí dụ về sự vô hạn định số chữ trong câu thơ Hát nói :(Câu 7, gọi là xuyên mau dài 24 chữ).

#### Giả Cách Điếc

Trong thiên hạ có người giả điếc,  
Khéo ngo ngo ngác ngác ngờ là ngây,  
Chẳng ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cày, (1)  
Rở lỏi điếc, để sau này em út học  
Toạ trung đàm tiểu nhan như mộc,  
Dạ bán phan viên thủ tự hậu (2)  
Khi vườn sau, khi ao trước, khi điếu thuốc, khi miếng trâu, khi chè chuyên  
năm bảy chén, khi Kiều lấy một đôi câu;(3)  
Tĩnh một lúc, lâu lâu rồi lại điếc

*Điếc như thế, ai không muốn điếc ?*

*Điếc như anh dễ bắt chước ru mà !*

*Hỏi anh, anh cứ ậm à.*

o0o

(1) Con trâu hể người đi cày bảo "họ" thì nó đứng lại ngay (được nghỉ), trong khi bảo "cày" thì nó lại cứ ỳ ra làm như chẳng nghe thấy gì

(2) Ngồi giữa đám nói cười thì mặt ngây như gỗ; Nửa đêm thì tay lẩn mò như con khỉ

(3) Đây là 1 tiêu biểu cho sự vô hạn định số chữ trong câu thơ hát nọi câu thứ 7 (xuyên mau) dài 24 chữ , chỉ cần chữ cuối theo vần câu thứ 6(thơ).

### **Một bài hát nói trào lộng.**

*Điều thầy đồ Cổ Nhuế*

*Thầy đồ Cổ là người tài bộ*

*Quấy cầm thư đi giáo thụ phủ Vĩnh Tường*

*Trước nha môn thiết một học đường*

*Dạy dăm đứa chi hồ dã giả*

*Nhân lúc đồ ngồi nhàn hạ*

*Ra hồ sen xem ả hái hoa*

*Ả hớ hênh ả để đồ ra*

*Đồ trông thấy đồ ngâm ngay tức khắc*

*Phong tiền lạn mạn hoa sinh sắc ! ( trước gió phát phơ hoa nảy sắc )*

*Thuỷ diện vì mang bạng thổ thần ( một dòng thấp thoáng hên thè môi )*

*Đồ ngâm rồi đồ đứng tần ngần*

*Đồ nọ tưởng đồ kia thêm thắc mắc*

*Suốt năm canh , đồ nằm biếng nháp ,*

*Những mơ màng đồ nọ tưởng đồ kia*

*Đồ đâu gặp gỡ làm chi ! ...*

*Ứng dụng:*

Cuối cùng là phần lý thú nhất của bài biên khảo. Năm vững quy luật Hát

nói rồi, chúng ta hãy ứng dụng vào trong thơ hiện đại. Đây là bài thơ của  
Tử Ngôn :

*Trăng Giữa Tháng*

*Mảnh trăng nhỏ nằm nghiêng bên màn trúc  
Giống giận hờn, như khúc nhạc thở than  
Ngồi bên nhau cùng tơ tưởng mơ màng  
Anh em đó, nửa vầng trăng giữa tháng .  
Mảnh tình hờ em gác nặng vai anh  
Kề môi hôn cho ấm đượm ân tình  
Để nhung nhớ giết dần trăng giữa tháng  
Và cô độc làm úa cánh môi xinh .  
Chiều bên em nắng đang liếc mắt nhìn  
Hoa hồng nở chẳng ai thềm, muốn hái  
Chỉ có anh một vì sao xa mãi  
Muốn uơng đầy nhụy ngọt của hoa em ...  
Sau đây tôi xin hoán chuyển sang Hát nói :*

*Trăng Giữa Tháng*

*Mảnh trăng nhỏ nằm nghiêng bên màn trúc  
Giống giận hờn, như khúc nhạc thở than  
Ngồi bên nhau cùng tơ tưởng mơ màng  
Anh em đó, nửa vầng trăng giữa tháng .  
Vân lâu bán khai bích tà bạch (1)  
Ngọc luân trát lộ thấp đoàn quang  
Mảnh tình hờ em gác nặng vai chàng  
Để nhung nhớ giết dần trăng giữa tháng .  
Và cô độc làm cánh môi xinh khô hạn  
Xót đời hoa chờ tay hái chẳng ai thềm  
Chỉ tình anh ngọt nhụy em*

**Chú Thích :**

(1) Tường bạc hững hờ cung mây hé

Vành ngọc ngọ sương bóng ướt đầm - Hai câu này không đòi hỏi phải là Hán Văn, Việt văn cũng được nhưng phải là thơ 7 chữ .

Anh Phạm Doanh, một nhà thơ và cũng là 1 nhà khảo cứu về văn học Việt Nam đã làm bài Tương tư theo thể Hát nói để đóng góp vào trong bài viết này :

*Tương tư .*

*Hát Muối :*

*Tương tư từng sợi đàn dài*

*Giọt buồn đọng lại bờ vai muộn phiền*

*Về đi, về cố tìm quên*

*Chuyện tình mờ mịt trong miền cát bay*

*Hát Nói :*

*Mười năm đã chia tay ngày ấy*

*Mà bây giờ còn tẩy vết thương*

*Ta và em mỗi đứa một con đường*

*Kỷ niệm cũ vẫn vương hoài tâm tưởng*

*Ta lưu lạc đời vô định hướng*

*Em về đâu ? sung sướng, khổ đau ?*

*Có những đêm sau cơn rượu nát nhàu*

*Ta tuyệt vọng, ta ôm đầu, ta khóc*

*Rồi năm tháng chuyển màu trên mái tóc*

*Vùng rong rêu bám chặt cả tâm hồn*

*Ngoài kia trời lại mưa tuôn .*

*Phạm Doanh*

Và đây là một bài thơ lục bát của một bạn gốc Nha Trang được tôi chuyển sang thể Hát Nói :

*NHA TRANG*

*Quê em cát trắng thuyền dương*

*Dòng sông trôi nhẹ vẫn vương chữ tình*

*Luỹ tre , xanh ngát bên đình  
Thông reo với gió xinh xinh bầu trời  
Biển xanh trao nhẹ lời mời  
Hiền lành hiếu khách , lòng người miền Trung  
Người di , kẻ ở thủy chung  
Lòng người xa xứ nhớ mong quê nhà .  
Chuyển sang Hát Nói :*

*NHA TRANG*

*Biển xanh cát trắng  
Đây quê em miền nắng thuận mưa hoà  
Có dòng sông, dờn rũ bóng la đà  
Khi gió thổi là ngàn thông vi vút tiếng  
Ngang tàng Cầu Đá đâm toạc biển  
Sừng sững Tháp Bà chọc thủng trời  
Dừng chân đây nhé viễn khách ơi  
Trong tiếng sóng thiết tha lời mời gọi  
Dù vui chân đường sông hồ vạn lối  
Thân tha phương nhưng tâm tại cố hương  
Nha Trang quê cũ mến thương .*

*Meta*

*Bạn thấy chưa ? Bình cũ đựng rượu mới dù không thêm hương vị nhưng cũng mặn môi đậm lưỡi . Ý hiện đại lồng trong thể thơ cũ cũng mang lại ít nhiều mới lạ .*

*Ngày xuân muôn hoa khoe sắc màu, gió xuân hây hây, tình xuân phơi phới, ý xuân bàng bạc nơi nơi . Năm vững quy luật về thể thơ Hát nói, ngần ngại gì bạn cùng tôi không lấy giấy bút, chẳng giấy hồng tiên, mực tàu lĩnh kính, giấy trắng bút Bic cũng được, thảo vài câu Hát Nói gọi là đầu xuân khai bút . Không trà thì rượu, chẳng câu đối cũng vài bài Hát Nói mừng xuân .*

*Đời người xuân đến được bao lần  
Không câu đối tết tui lòng xuân*

*Khai bút dăm ba câu Hát nói  
Nhớ người thiên cổ hồi thế nhân  
Metamorph.*

Nếu các bạn chưa chán, vài ngày nữa Meta xin nói về Phú và Văn Tế. Dĩ nhiên Meta cũng sáng tác vài bài mẫu.

### **Long Nguyễn**

**Sáng tác Hát nói, Phú, Văn tế.**

### **Phú**

*Vậy thì Meta sẽ viết tiếp bài về Phú, Văn tế, cuối cùng là Lầy Kiều. Có cách nào bỏ loạt bài này vào trong thư viện sách truyện được không? Trả lời câu hỏi có phải Hát nói thoát thai từ phú không, thì thưa không. Hát nói thoát thai từ song thất lục bát do các văn nhân thi sĩ thích ăn chơi hồi đầu thế kỷ 19 chế biến ra. Phú thì bắt nguồn và biến thể từ hát Sở Từ thời thượng cổ dùng để hát khi cúng tế hay nghi lễ triều đình. Hát nói và Phú hoàn toàn khác nhau.*

**Quy ước Meta:** Từ bây giờ các bài phú, văn tế đều trình bày theo thể 2 câu đối nhau phân định bằng dấu chấm phẩy rồi mới xuống hàng. Ví dụ:

Mặt đâu tới lãnh bằng ngày nọ; Xác nào ra đầu thú hôm "nay".

-Đã thề nguyện hết sức đánh "Tây"; Đâu sợ chết cúi mình theo "giặc".

Luôn luôn mỗi xuống hàng là 1 cặp câu đối nhau.

Phú.

### **I - PHÚ**

Chúng ta khi có trí khôn, phán đoán đầu tiên là phạm mọi sự việc trên đời



chỉ gồm 2 giá trị là không và có . Lúc nằm nôi ta khóc đòi sữa . Khi nắm chắc bình sữa mẹ trao, ta nín khóc vì ta biết ta có . Giật bình sữa ra, ta khóc ngay vì ta mất, nói khác đi , vì ta không có . Lớn lên, sự việc không còn đơn giản nữa . Giữa không và có phải có 1 giá trị thứ ba nữa vì nó không hẳn là không mà cũng không hẳn là có . Một tù nhân cải tạo, suốt một ngày lao động khổ sai, chỉ được lưng chén cơm và chiều về thì nhịn đói . Nếu ta hỏi : Anh có được ăn cơm chưa ? Trả lời có cũng chẳng đúng mà trả lời không cũng chẳng đúng . Trong ngành sinh vật học có những sinh vật nằm chính giữa ranh giới của động và thực vật : Loài vi khuẩn có thể tổng hợp ánh sáng như thực vật để tạo dinh dưỡng tự nuôi cơ thể mà cũng vừa có khả năng dờn chỗ bằng những chức năng chuyên trách về di chuyển . Có những loại nguyên sinh động vật tự di chuyển được nhưng cũng có điệp lục tổ để tự tổng hợp quang học trong tiến trình tự dinh dưỡng . Lại có những loại động vật không có khả năng di chuyển như san hô, suốt đời nằm một chỗ . Lại có những loại nằm giữa sống và chết như vi trùng : Trong môi trường thích hợp, vi trùng có khả năng sinh sản như một sinh vật nhưng nếu không có điều kiện thuận lợi, vi trùng chỉ là 1 vật thể không sự sống . Trong văn học, ta thường phân loại những tác phẩm thành thơ và văn . Văn thì không có vần luật bằng trắc và thơ thì ngược lại . Đời sống màu nhiệm ở sự muôn màu muôn vẻ . Văn học cũng thế, thiên hình vạn trạng . Nếu chỉ có hai loại thơ và văn không thôi, hoá ra văn học đơn giản lắm sao ? Chúng ta cũng có những thể loại gọi là văn cũng không được mà gọi thơ cũng chẳng xong . Đó là Phú và Văn Tế .

Phạm Đan Quế trong tập biên khảo về lấy Kiều định nghĩa như sau :

- Phú vốn là một thể văn vần bắt nguồn từ thơ cổ không bắt buộc phải có đối . Nếu thơ thiên về tả tình thì phú thiên về tả cảnh nhưng vì cách đặt câu của phú khác với thơ nên thành ra một thể riêng . Dần dần, phú bị chia làm hai thể rõ rệt :

a) Phú có thể theo lối xưa (trước thời nhà Đường) không hạn định dài ngắn, niêm, đối, thanh âm chí cốt để gieo vần là đủ . Lối này thường có Sở Từ(

có dùng chữ hề), tứ tự, lưu thuỷ ...

Loại Phú cổ (trước nhà Đường) thiên về văn xuôi, không mọo luật tương đối dễ . Meta xin lướt qua bằng 1 bài phú cổ có tên Đồng Tước Đài Phú của Khổng Minh Gia Cát Lượng :

Đồng tước đài phú .

Tòng minh hậu dĩ hi du hề

Đặng tằng đài dĩ ngu tình

Kiến Thái Phủ chi quảng khai hề

Quan Thánh đức chi sở dinh

Kiến cao môn chi tha nga hề

Phù song nguyệt hồ Thái thanh

Lập trung thiên chi hoa quan hề

Liên phi các hồ Tây thành

Lâm Chương thuỷ chi trường lưu hề

Vọng viên quả chi tư vinh

Lập song đài ư tả hữu hề

Hữu Ngọc Long dữ Kim Phượng

Lãm Nhị Kiều ư đông nam hề

Lạc triều tịch chi dữ cộng

Phủ Hoàng Đô chi hoành lệ hề

Khám vân hà chi phù động

Hân quần tài chi lai tuy hề

Hiệp Phi Hùng chi cát mộng

Ngưỡng xuân phong chi hoà mục hề

Thính bách điều chi bi minh

Vân thiên tuyên kỳ ký lập hề

Gia nguyện đắc hồ song sinh

Dương nhân hoá vu vũ trụ hề

Tận túc cung vu Thượng kinh

Duy Hoàn, Văn Chi vi thịnh hề

Khởi túc phương hồ thánh minh  
Hưu hỹ! Mỹ hỹ!  
Huệ trạch viễn dương  
Dực tá ngã hoàng gia hê  
Ninh bỉ tứ phương  
Đồng thiên địa chi qui lượng hê  
Tề nhật nguyệt chi huy quang  
Vĩnh quý tôn nhi vô cực hê  
Đẳng quân thọ ư Đông hoàng  
Ngự long kỳ dĩ yêu ngao hê  
Hồi loan giá nhi chu chương  
Ân hoá cập hồ tứ hải hê  
Gia vật phụ nhi dân khang  
Nguyên tư đài chi vĩnh cố hê  
Lạc chung cổ nhi vị ương !

ooOoo

Trên đây là phú cổ trước thời nhà Đường . Ta thấy tuy rằng có vần nhưng số chữ trong câu không nhất định và nhất là đọc lên nghe rất ngang tai vì cũng chẳng có bằng trắc chi hết . Văn học Việt nam hiếm thấy loại phú này . Meta nhắc đến thể phú này để tiện tham khảo cho đầy đủ thôi . Xin phép miễn dịch Nôm vì không nằm trong mục đích bài này .

b) Phú Đường luật được các thi gia đời Đường về sau thường dùng . Phú Đường luật không những có vần mà phải có đối, đúng luật bằng trắc và theo một khuôn khổ nhất định . Đây là thể Phú thông dụng nhất tại Việt Nam ta .

Hãy tập trung vào việc nhận xét loại Phú Đường luật , qui tắc và mẹo luật của nó .

**VẦN TRONG PHÚ ĐƯỜNG LUẬT :** Có nhiều cách gieo vần như sau :

a) Độc vận : Toàn bài, từ đầu chí cuối chỉ dùng một vần . Xin tham khảo bài Gia Định thất thủ phú của cụ Phan Văn Trị , dùng độc vận ở cuối bài .

b) Liên vận : Bài phú có nhiều vận liên tiếp .

c) Hạn vận : Bài phú bắt buộc phải theo đúng thứ tự các chữ trong một câu cho sẵn để làm vận cho đủ, không được gieo vận khác vào .

d) Phóng vận : Vận nào cũng được .

Bài phú có nhiều đoạn, mỗi đoạn có nhiều liên, mỗi liên có hai vế đối nhau . Vận phải gieo vào cuối vế thứ nhì, tức là vận ở cuối liên .

**CÁCH ĐẶT CÂU :** Tùy theo số chữ và cấu tạo, ta có 5 lối :

a) Tứ tự : Mỗi vế có 4 chữ . Ví dụ :

Về Thuý Kiều : Tài sắc gồm hai, phong lưu rất mực .

Về Thúc Sinh : Thanh khí lễ hằng, hoa khôi tiếng mộ .

b) Bát tự : Mỗi vế 8 chữ chia thành 2 đoạn bằng nhau . Ví dụ :

- Bàn vầy điểm nước, hoạ đàn đường tơ; Bầu tiên rót rượu, câu thần nổi thơ .

- Mà gầy như mai, mà buồn như cúc; mà chau đôi mày, mà vò chín khúc .

c) Song quan : Mỗi vế có từ 5 đến 9 chữ đi liền một mạch . Ví dụ :

- Cùng nhau vàng đá mấy lời; Dám tiếc tóc tơ một mối .

- Kiếp phong trần đã đến thế thì thôi; Nợ oanh yến phải lấy thân mà trả .

d) Cách cú : Mỗi vế chia thành hai đoạn dài ngắn khác nhau . Ví dụ :

- Chẳng ngờ gã Giám Sinh, phong tình là đứa; chung lưng con mụ Tú, buôn bán quanh năm .

- Kiếp má hồng toan trả Trời xanh, sực thấy mấy câu thần mộng; Doành nước biếc nổi cồn sóng bạc, thân thương đến khách tri âm .

e) Hạc tất (hay gói hạc) : Mỗi vế có từ 3 đoạn trở lên . Ví dụ :

- Trên tường gấm, ơn lòng quân tử, mơ quạt đôi trao; Dưới lầu son, vắng mặt tri âm, vò tơ bối rối .

- Giây phút tứ thầy chẳng tới, già Tú ơi, vui dập sao nữ đang tay; Khéo đầu như báo đến lời, Sở Khanh hỡi, nông nổi nước này cũng lạ .

**LUẬT BẰNG TRẮC :**

a) Những chữ ở cuối mỗi vế phải theo luật bằng trắc là : Chữ cuối ở vế trên trắc thì chữ cuối ở vế dưới bằng hay ngược lại . Ví dụ :

- Thanh khí lẽ hăng (B); Hoa khô tiếng mộ (T) .
- Ngày xuân mưa gió càng nồng(B); Đêm xuân đi về lấm độ (T).
- Trăm năm tính cuộc (B); Muôn sự tại Trời (B) .
- Cho thanh cao phần thanh cao mới được(T); Bất phong trần cũng phong trần như ai (B) .

b) Trong một vế có nhiều đoạn nhỏ thì chữ cuối của mỗi đoạn nhỏ ở trước, gọi là chữ đầu câu, phải nghịch thanh với chữ cuối cùng của vế ấy . Nghĩa là chữ cuối của vế là bằng thì các chữ đầu câu (chữ cuối của các đoạn nhỏ) trong vế ấy phải là trắc hay ngược lại . Ví dụ :

- Được một vài phân (B), lan huệ một nhà sức nức (T); Có ba trăm lạng (T), yên oanh ngoài cửa xôn xao (B) .
- Chàng Thúc lần ra (B), thở thở than than (B), tình ấy muôn cam chịu bạc (T); Tiểu thư chợt đến (T), cười cười nói nói (T), lạ cho cái giống nhà ghen (B) .

### **CÁCH BỐ CỤC MỘT BÀI PHÚ :**

Nếu như trong bài thơ thất ngôn bát cú, bố cục gồm 4 phần là đề, thực, luận, kết thì trong một bài phú, cách sắp đặt các đoạn mạch gồm có 6 phần :

- a) Lung : Trình bày tổng quát đầu bài .
- b) Biện nguyên : Xác nhận đầu bài, nêu rõ nguyên uỷ gốc tích, giải thích rõ ý của đầu bài mà chuyển vào bài .
- c) Thích thực: Mô tả hết ý nghĩa của đầu bài .
- d) Phô diễn : Suy rộng ý của đầu bài .
- e) Nghị luận : Phê phán, đánh giá, bàn bạc ý nghĩa của đầu bài .
- g) Kết : Gói ghém chung ý tứ của đầu bài lại .

### **PHÂN TÍCH :**

Như trên đã trình bày, bài phú có nhiều đoạn, mỗi đoạn có nhiều liên, mỗi liên có hai vế đối nhau . Để rõ ràng Meta xin phép không dùng cách chấm câu theo lối văn phạm thông thường là dấu phẩy dùng để ngắt đoạn mà ý vẫn còn tiếp nối sang đoạn sau, dấu chấm dùng để ngắt câu đã trọn ý . Meta

đặt ra quy ước chấm câu như sau : Mỗi 1 đoạn trong vế cách nhau bằng dấu phẩy, mỗi vế cách nhau một dấu chấm phẩy và hai vế (tức một liên) thì xuống hàng . Nhắc lại hai vế trong một liên phải đối với nhau . Bằng cách này tuy có chỗ phi lý, chẳng hạn câu :

-Sao rằng gian, sao rằng nịnh, ai muốn hỏi hãy nhìn tiêu trên mã Ngụy  
Khôi; Đâu là hoạ, đâu là tai , ai muốn hỏi nên xem bảng tại làng Đa Phước .  
Đoạn "Sao rằng gian, sao rằng nịnh" và đoạn "Đâu là hoạ, đâu là tai" phải được đánh dấu hỏi mới hợp lý nhưng Meta chỉ đánh dấu phẩy để cho rõ nó là tiểu đoạn trong vế . Sau dấu chấm phẩy là bắt đầu vế sau, đến khi xuống hàng là hết một liên . Cách chấm câu này làm cho việc phân tích bài phú thêm rõ ràng. Xin đừng bắt lỗi chấm câu theo cách thông thường nhé.

Cũng nhằm việc làm cho rõ ràng, Meta xin đánh số mỗi liên để tiện việc tham khảo. Bài Meta chọn để phân tích là bài Cáo thị Cần Vương, tác giả không rõ. Sơ lược về bối cảnh lịch sử bài phú như sau:

Mùa xuân năm Kỷ Mùi 1859, thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lăng nước ta. Đồng bào lục tỉnh miền Nam đang sống an bình bỗng trở nên nghiêm trọng. Cuộc chiến tranh Việt Pháp diễn ra, triều đình phải ký kết nhượng ba tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Định Tường cho Pháp. Theo tinh thần bản ký nhượng này, triều đình phải ngưng các cuộc nổi dậy đề kháng của các sĩ phu và dân chúng lại.

Tuy nhiên mặc cho lệnh triều đình, dân ta vẫn nổi lên chống lại. Bài cáo thị Cần Vương ra đời vào khoảng thời gian ấy với nội dung là kêu gọi lòng yêu nước trong nhân dân, nổi lên chống Pháp. Chúng ta chưa biết tác giả là ai, nhưng hẳn tác giả là một bậc sĩ phu miền Nam, kêu gọi đồng bào chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Cùng với nhân dân và đi trước nhân dân, bậc sĩ phu nước ta đã góp phần lớn lao trong công cuộc chống ngoại xâm bền bỉ, liên tục nhiều ngàn năm.

Hãy phân tích bài Cáo thị Cần Vương sau đây:

Cáo thị Cần Vương (Liên vận)

1 - Lời truyền cáo thị; Nói với sĩ phu.

- 2 - Nước Nam ta có mối xung thù; Cùng giặc Tây là loài di địch.  
3 - Bởi chúng nó đem lòng bội nghịch; Khiến dân mình gặp thuở loạn ly.  
4 - Chẳng qua là Trời bắt gian nguy; Cho nên nổi nước nhiều tai nạn.  
5 - Đường trị loạn sách xưa còn bản; Lẽ chánh tà đời trước treo gương.  
6 - Làm người khôn nghĩ xét cho tường; Thà đũa đại lỗi đường cũng đáng.  
7 - Nọ thừa Hung Nô đánh Hán, tướng mạnh như hùm, binh đông như cỏ,  
cướp ải Lang, dành ải Hồ, tới măn tuồng Nô cũng về Nô ; Kìa khi Đột  
Quyết quấy Đường, xe đi chật đất, ngựa tể đầy đồng, phá trấn Bắc, đốt trấn  
Đông, chùng rã đám Đột hoàn lại Đột.

8 - Xa thơ mới hãy còn lộn một; Phong cương này há để chia ba.

Nay Tây cùng Ta :

- 9 - Muôn trùng non nước cách xa; Trăm việc ở ăn lạ thói.  
10 - Tuy lắm tàu đồng ông khói; Dầu nhiều súng thiếc đạn chì.  
11 - Trải sáu tỉnh qua đẹp cõi biên thuỳ; Hơn trăm trận liên hao ngôi tướng  
soái.  
12 - Đòi xin ba tỉnh , lời nào rằng phải; Bắt hoạ muôn dân, của mấy cho  
vừa.  
13 - Ta hiệp lòng há nhịn thua ư; Mọi lần chỗ sao đành để vậy.  
14 - Ở đâu mà chẳng thấy phá miếu chùa, đào mồ mả, làm những việc bất  
nhân; Ở đâu mà chẳng thấy đốt nhà cửa, hãm vợ con, làm những điều vô  
đạo.

Hỡi ơi!

- 15 - Thành xiêu quách đổ bởi ai gây; Ruộng nát vườn tan do lũ ráo .  
16 - Lòng lộng cao xanh, há nữ để dân ta búng xáo; Mệnh mông soi xét, lẽ  
nào cho chúng nó ăn chơi.  
17 - Xưa nay ai mạnh qua Trời; Đâu đó vật đều có chủ.

Ngỏ nay :

- 18 - Nơi Thần Kinh ấy nơi thiên phú; Đức Kim Thượng là đức Thánh  
Tông.  
19 - Hơn ba mươi tỉnh hội đồng; Dư sáu chục năm huệ dưỡng.

- 20 - Văn võ hiềm người làm tướng; Man di nhiều nước đến châu.
- 21 - Nhớ xưa kia chúng đã cúi đầu; Đến nay lại tay nào trở mặt.
- Ồ các tổng làng !
- 22 - Chớ thấy chín từng hoà nghị mà tấm lòng địch khái vội quên; Chớ rằng ba tỉnh trọn vong mà công cuộc báo cừu nỗ bỏ.
- 23 - Nhớ mới thuở rèn mác trường, đương nón gổ, lên đường hăm hở ra oai.
- 24 - Há buổi nay chạy bạc nén, vén tiền trăm, vào cửa lom khom tạ nó.
- 25 - Mặt đâu tới lãnh bằng ngày nọ; Xác nào ra đầu thú hôm nay.
- 26 - Đã thề nguyên hết sức đánh Tây; Đâu sợ chết cúi mình theo giặc.
- 27 - Một đường cái há phân nam Bắc; Một tóc tơ nữ nhuộm xanh vàng.
- 28 - Đừng cho thầy Địch thở than; Chớ để họ Nhạc cay đắng.
- 29 - Ôn thủy thổ thầy đều mang nặng; Việc thần dân chớ khá lỗi nghi.
- 30 - Cố bảo nhau gắng giữ lòng bền; Đừng nghe chúng ra mà đầu thú.
- 31 - Chớ thấy Gò Công thất thủ, mà trở mặt hại nhau; Đừng rằng Bến Nghé an cư, mà đành lòng theo mọi.
- 32 - Sao rằng gian, sao rằng nịnh, ai muốn hỏi hãy nhìn tiêu trên mả Ngụy Khôi; Đâu là hoạ, đâu là tai , ai muốn hỏi nên xem bảng tại làng Đa Phước.
- 33 - Oan nhường ấy, tình nhường ấy, căm thù nhường ấy, tính sao trả được mới hài; Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, đâu nỗ bỏ đi sao phải.
- 34 - Dẫu có lỡ sát thời hãy tìm nơi sơn trại mà tụ tập anh hùng, sống vì Vua, thác vì Vua, dốc cùng lòng trước sau chẳng trái ; Dẫu có rủi sa cơ phải xuống dưới tuyến đài cũng phụng thờ hương khói, tên còn chép, họ còn chép, để nức danh thơm rọi sáng hoài.
- 35 - Chớ để xóm làng cho Bạch Quỷ vắng lai; Chớ để phần mộ cho Tây Dương phá hại.
- 36 - Khá ra tay mà vùa cột cái; Tua gắng sức chống đỡ tường xiêu.
- 37 - Để nghìn năm dằng đặc, vững đất Thuận trời Nghiêu; Ngõ muôn kiếp miên miên, bền sự nghiệp thư son khoán sắt.



38 - Chữ đối thiên bất cộng, nghĩ cảm cảm ruột tím gan bầm; Câu giữ quốc đồng ưu, phải khăng khăng lòng ghi dạ tạc.

ooOoo

### **Bố cục :**

Câu 1 - 4 là Lung , trình bày tổng quát đề bài.

Câu 5 - 8 là Biện nguyên, xác nhận đầu bài, nêu rõ nguyên uỷ gốc tích, giải thích rõ ý của đầu bài mà chuyển vào bài.

Câu 9 - 14 là thích thực: Mô tả hết ý nghĩa của đầu bài.

Câu 15 - 21 là phô diễn : Suy rộng ý của đầu bài.

Câu 22 - 36 là nghị luận : Phê phán, đánh giá, bàn bạc ý nghĩa của đầu bài.

Câu 37 - 38 Kết : Gói ghém chung ý tứ của đầu bài lại.

### **Gieo vần :**

Ta thấy mỗi một câu (tức một liên, chia theo cách Meta) gồm hai vế đối với nhau chặt chẽ . Cách gieo vần thì chữ cuối một câu (gọi là chữ đậu câu ), nếu là vần trắc, sẽ bắt vần với chữ cuối , vần trắc của vế trước giữa câu kè. Chữ cuối câu kè là vần bằng, bắt với vần bằng chữ cuối vế trước của câu kè tiếp. Cứ như thế đến hết bài. Ví dụ:

-Mặt đầu tới lãnh bằng ngày nọ; Xác nào ra đầu thú hôm "nay".

-Đã thề nguyên hết sức đánh "Tây"; Đầu sợ chết cúi mình theo "giặc".

-Một đường cái há phân nam "Bắc"; Một tóc tơ nữ nhuộm xanh "vàng".

-Đừng cho thầy Dịch thờ "than"; Chớ để họ Nhạc cay đắng.

Chữ "vàng" ở cuối câu lại bắt vần bằng với chữ đậu câu của câu kè, chữ "than". Lối gieo vần này gọi là liên vận.

### **Phép đặt câu :**

Câu 1 đặt câu theo lối tứ tự , mỗi vế 4 chữ.

Câu 2 - 6 đặt câu theo lối song quan, mỗi vế có từ 5 đến 9 chữ đi liền một mạch.

Câu 7 đặt câu theo lối hạc tất . Mỗi vế có từ 3 đoạn trở lên, dài ngắn khác nhau.

Câu 8 - 11 là song quan.

Câu 12 đặt câu theo lối bát tự, mỗi vế có 8 chữ chia thành hai đoạn bằng nhau, mỗi đoạn 4 chữ.

Câu 13 theo lối song quan.

Câu 14 hạc tất.

Câu 15 là song quan.

Câu 16 đặt theo lối cách cú, mỗi vế chia làm hai đoạn dài ngắn khác nhau.

Meta chỉ liệt kê từ câu 1 tới câu 16 thôi. Tới đây hẳn bạn đọc phân biệt được phép đặt câu theo lối gì từ câu 17 cho đến hết bài rồi. Xin miễn nói thêm về lối đặt câu để tránh dài dòng.

ooOoo

Dẫu biết chép một bài phú nữa thì quá dài dòng, nhưng để bạn đọc biết về độc vận, Meta xin phép chép một bài nữa, dùng độc vận.

Phú Gia Định thất thủ ( độc vận)

Thương thay đất Gia định!

Tiếc thay đất Gia Định!

Vực hoá nên cồn; Đất bằng nổi sóng.

Tàu khói chạy mây tuôn sông mây khúc, lờ lạt bến trâu; Dây thép giăng nhấp nhóang đất ngàn trùng, ngã xiêu thành Phụng.

Bờ cõi phân chia khác mặt, trông ra như quáng như mờ; Non sông dời đổi hoạ mi, tưởng tới dường mê dường mộng.

Lớp cũ tàn, lớp mới mọc, dọc ngang xe ngựa đất gò bằng; Dấu trước lấp, dấu sau bồi, tan nát chợ nhà Trời dậy sấm.

Inh ỏi súng rền kinh cửa Bắc, hải hùng trăm họ dứt âu ca; Tò le kèn thổi tới Trời nam, man mác năm canh không tiếng trống.

Hào kiệt tìm phương lánh mặt, sa cơ gió hạc lúc hư kinh (1); Anh hùng kiếm chốn ẩn thân, sút thể nước cò thêm lúng túng.

Từ Bến Thành trải qua Chợ Đũi loài tinh chiên (2) loạn xạ biết bao nhiêu;

Nơi Chợ Lớn sắp đến Cầu Kho, quân mọi rợ lấy lòng nên quá lắm.

Cầu Thị Nghè cùng nơi Chợ Quán, quân tham tàn đặc ý vênh râu; Chùa

Cầm Thảo trải tới Cây mai, Phật Bồ Tát chịu nghèo ôm bụng.

Nơi nơi nổi xóm mới nhà Tây; Chôn chôn lập đồn canh ụ súng.  
Ngậm ngùi thay ba bốn làng Gò Vấp, cây cỏ khô , thân thể đều khô ; Bát  
ngát nhĩ mười tám thôn Vườn Trầu, hoa trái rụng, người đời cũng rụng.  
Mấy dặm Gò Đen, Rạch Kiến, ngọn lửa thiêu sự nghiệp tan tành; Đồi nơi  
Rạch Giá, Gò Công, trận gió quét cửa nhà trống lộng.  
Tiếng kêu oan, oan này bởi nước, hồn nhân dân biết dựa vào đâu; Thân liễu  
thác, thác cũng vì vua, xương nghĩa sĩ chất đả nên đông.  
Sông núi đào, mồ xiêu mả lạc, thương thay người thác chẳng yên phần;  
Đường sá đắp, cửa nát nhà tan, cực bấy kẻ còn khôn nổi sống.  
Sau trước vầy đoàn bạch Quỷ, dân ta đòi bữa đòi suy; Đêm ngày ỏi tiếng  
Lang Sa, thể nó càng ngày càng lộng.  
Cờ Thành Thang sao không thấy phát, bỏ liễu con đỏ chông gai; Áo Võ  
Vương sao chẳng thấy gầy, nỡ để dân đen bùn lấm.  
Đầu Trung nguyên tóc hời còn dài, ơn này nhờ có Bá, học Xuân Thu xin  
chớ kiếm Hoàn Công; Tay tả nhẫm<sup>3</sup>) áo kia khỏi mặc, việc ấy bởi vì ai,  
đọc Luận ngữ có sao chê Quản Trọng.  
Bóng xế dặm ngàn mây man mác, nước non này ai thấy cũng buồn; Trời  
chiều chim chóc nhảy lảng xãng, tình cảnh ấy lòng nào chẳng động.  
Ta nay nhân cảm với cuộc đời, Vậy nên tả một vài ngẫu vận.

ooOoo

(1) Tức là nghe gió thổi, chim hạc kêu mà phập phồng lo sợ tưởng như giặc  
tràn đến nơi . Tích Bồ Kiên, vua nhà Tần trước khi bị quân nhà Tần đuổi  
đánh, quân sĩ tới đâu nghe tiếng gió thổi, chim hạc kêu cũng giật mình  
tưởng quân nhà Tần đã tới.

(2) Tinh chiến là hôi tanh . Chỉ bọn cướp nước.

(3) Tả nhẫm là khép vạt áo sang bên trái, tục mọi rợ. Khổng Tử nói :

"Không có Quản Trọng thì chúng ta khép vạt áo sang bên trái hết ". Nghĩa  
là không có Quản Trọng thì phong hoá suy đồi, văn minh thành mọi rợ  
ngay.

Bài này dùng chỉ một vần "ộng" hay "ụng", âm trắc. Không cần bắt yêu vận

với chữ cuối của vế trước ở giữa câu kế.

Tới đây chúng ta có thể sang phần Văn Tế, cuối cùng là Kiếu Lạy.

Đánh máy: Long Nguyễn ( Meta )

Nguồn:

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 9 tháng 7 năm 2006